

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KON RẪY  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/ 2020/ DS-ST

Ngày: 17/9/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY, TỈNH KON TUM**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương Loan

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lã Đức Hạnh

2. Ông Nguyễn Văn Chiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Đăng Lễ.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy - tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/ 2020/ TLST- DS ngày 13 tháng 3 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/ 2020/ QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/ 2020/ QĐST - DS ngày 27/ 8/ 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (sau đây viết tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ: 02 đường L, phường T C, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P - Giám đốc Ngân hàng N  
- Chi nhánh huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019).

Địa chỉ: Thôn 01, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Văn D

Địa chỉ: Thôn 09, xã R, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: Thôn 09, xã R, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng Ntrình bày:

Ngày 10/8/2017, Ngân hàng N- Chi nhánh huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và ông Phan Văn D ký kết hợp đồng tín dụng số 5104LAV201701150 để cho ông Phan Văn D vay số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), thời hạn cho vay 24 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9,5 % / năm, lãi suất cho vay quá hạn là 14,25 % . Mục đích vay chăn nuôi bò. Thời hạn trả nợ gốc là ngày 10/8/2018, trả 10.000.000 đồng. Ngày 10/8/2019, trả 90.000.000 đồng. Tiền lãi trong hạn trả 06 tháng/ lần vào ngày 10. Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ cho ông D số tiền trên.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phan Văn D đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi) theo đúng cam kết là vi phạm thỏa thuận tại điểm đ mục 2 Điều 9 Hợp đồng tín dụng. Ông D mới chỉ trả lãi 01 lần vào ngày 08/6/2018, còn đến kỳ hạn trả lãi tiếp theo - ngày 10/8/2018 - ông D không thực hiện nghĩa vụ trả lãi. Đồng thời, ông D cũng không trả nợ gốc đúng thời hạn. Do đó, ông D phải chịu lãi suất phạt (150% lãi suất cho vay) là 14,25%/ năm theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đối với số nợ gốc quá hạn kể từ thời điểm quá hạn.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay, dư nợ quá hạn của ông D theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là 127.794.097 đồng (Trong đó: Tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn chưa trả: 10.357.638 đồng, tiền lãi quá hạn chưa trả: 17.436.459 đồng).

Từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn đến nay, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở, làm việc bằng biên bản đôn đốc trả nợ nhưng ông Phan Văn D vẫn không thực hiện trả hết khoản nợ vay cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 5104LAV201701150 ngày ngày 10/8/2017 cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 17/9/2020 là 127.794.097 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/9/2020 cho đến khi ông Phan Văn D thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Phan Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị H luôn vắng mặt không có lý do. Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định (Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập các đương sự, thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa), Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa:

Đây là vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý, giải quyết từ ngày 13/3/2020 và đã phân công Thẩm phán, Thư ký giải quyết vụ án đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 197 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán, thư ký đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định thời hiệu, xác định tư cách của người tham gia tố tụng quan hệ pháp luật trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định (*Điều 68*), yêu cầu giao nộp tài liệu chứng cứ, thông báo và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210 và 211; tổng đạt văn bản tố tụng và các thông báo kịp thời, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn - ông Phan Văn D: Mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị H: Mặc dù Tòa án đã niêm yết, triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H không có yêu cầu độc lập.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 117, 118, 119, 280, 282, 288, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Buộc ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 17/9/2020 là 127.794.097 đồng (Trong đó: Tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn chưa trả: 10.357.638 đồng, tiền lãi quá hạn chưa trả: 17.436.459 đồng) và tiền lãi chậm trả, phí phát sinh từ ngày 18/9/2020 cho đến khi ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị H thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ chấp nhận.

Về án phí dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án. Buộc ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị H phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chỉ bổ sung số tiền lãi suất tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 17/9/2020). Yêu cầu bổ sung của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng - thuộc tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Kon Rẫy. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, bị đơn - ông Phan Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị H luôn vắng mặt; ông D, bà H không thông báo thay đổi nơi cư trú cho chính quyền địa phương và cho Ngân hàng (là người có quyền). Do đó, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các thông báo, giấy triệu tập, quyết định tại nơi cư trú; UBND xã và tại trụ sở Tòa án nơi ông D, bà H cư trú. Tại phiên tòa hôm nay, ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng đến phiên tòa lần thứ hai. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng tín dụng nói trên được các bên ký kết, thực hiện tại thời điểm Bộ luật dân sự 2015 đang có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết.

[5] Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng số 5104LAV201701150 ngày 10/8/2017 giữa Ngân hàng và ông Phan Văn H được ký kết trên cơ sở tự nguyện, được lập thành văn bản, có chữ ký của hai bên giao kết. Nội dung không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, theo quy định tại các Điều 117, 118, 119 và 463 Bộ luật dân sự 2015, hợp đồng này có hiệu lực từ thời điểm giao kết.

[6] Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Phan Văn H vay số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 24 tháng (từ ngày 10/8/2017-10/8/2019).

Theo các điều khoản của hợp đồng tín dụng, ông D phải trả lãi cho ngân hàng 06 tháng/ lần vào ngày 10; mức lãi suất trong hạn là 9,5 %/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, xác định là 14,25 %/năm. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Phan Văn D đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi) theo đúng cam kết. Từ kỳ hạn trả lãi lần 2 vào ngày 10/8/2018 và các kỳ hạn trả lãi sau đó, ông D đều không trả tiền lãi cho ngân hàng. Khi đến hạn trả số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng vào ngày 10/8/2018, hạn trả lãi số tiền nợ gốc 90.000.000 đồng vào ngày 10/8/2019, ông D đều không thực hiện. Như vậy, ông D đã vi phạm thỏa thuận tại điểm đ mục 2 Điều 9 hợp đồng tín dụng. Từ ngày 11/8/2018, một phần nợ của ông D đã chuyển thành nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở, làm việc bằng biên bản đôn đốc trả nợ nh ông Phan Văn D vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện là đúng thỏa thuận của các bên tại mục 1 Điều 10 hợp đồng tín dụng và Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Phan Văn D phải trả tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng số 5104LAV201701150 ngày 10/8/2017 và toàn bộ các khoản lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (18/9/2020) cho đến khi ông Phan Văn D thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng đến khi thanh toán xong khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét thấy: Theo thỏa thuận tại mục 3 Điều 7 hợp đồng tín dụng thì kể từ ngày 11/8/2018, ông D phải chịu lãi suất phạt (150% lãi suất cho vay) là 14,25%/ năm đối với số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng. Từ ngày 11/8/2019, ông D phải chịu lãi suất quá hạn 14,25 % đối với toàn bộ số nợ gốc 100.000.000 đồng. Tính đến ngày 17/9/2020, ông D còn dư nợ quá hạn của Hợp đồng tín dụng nêu trên là 127.794.097 đồng (Trong đó: Tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn chưa trả: 10.357.638 đồng, tiền lãi quá hạn chưa trả: 17.436.459 đồng). Số tiền nợ gốc và lãi mà ngân hàng đưa ra như trên là tính đúng theo thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng tín dụng, không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về việc xác định người có nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Phan Văn D ký kết Hợp đồng tín dụng số 5104LAV201701150 ngày 10/8/2017 với Ngân hàng N– Chi nhánh huyện Kon Rẫy sau khi đã được vợ là bà Nguyễn Thị H ủy quyền thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn tại Ngân hàng, mục đích sử dụng vốn vay cho hộ gia đình. Ngày 09/8/2017, ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị H cùng ký phương án sử dụng vốn vay với Ngân hàng. Do đó, bà Nguyễn Thị H cũng có nghĩa vụ liên đới cùng ông Phan Văn D trả nợ khoản vay này cho ngân hàng theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự 2015.

[9] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lý trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào các Điều 117, 118, 119, 288, 463 và Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Buộc ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng N số tiền 127.794.097 đồng (*Một trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi tư ngàn, không trăm chín mươi bảy đồng*). Trong đó: Tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn chưa trả: 10.357.638 đồng, tiền lãi quá hạn chưa trả: 17.436.459 đồng). (Ngân hàng N– Chi nhánh huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum có quyền nhận thay).

2. Kể từ ngày 18/9/2020 cho đến khi thi hành xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị H phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 5104LAV201701150 ngày 10/8/2017 giữa ông Phan Văn D và Ngân hàng N- chi nhánh huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

3. Về án phí:

Ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 6.389.705 đồng (*sáu triệu, ba trăm tám mươi chín ngàn, bảy trăm lẻ năm đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng N– Chi nhánh huyện Kon Rẫy số tiền tạm ứng án phí 2.984.000 đồng (*hai triệu, chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/ 2016/ 0001614 ngày 12/ 3/ 2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

4. Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Rẫy;
- Chi cục THADS huyện Kon Rẫy;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Lê Thị Phương Loan***

